

BÁO CÁO

Việc thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2012

Kính gửi: Quốc hội.

Sau 5 năm triển khai thực hiện Luật Bình đẳng giới, các quy định pháp luật về bình đẳng giới đã được triển khai khá đồng bộ ở hầu hết các cơ quan, các ngành, các cấp; bên cạnh những khó khăn, vướng mắc, công tác bình đẳng giới đã bước đầu tạo ra sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành vi của các cấp lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức và người dân.

Thực hiện Điều 25 Luật Bình đẳng giới, Chính phủ báo cáo Quốc hội về việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2012 với những nội dung cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chính sách, mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới

Năm 2012, Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành, trình ban hành:

- Thực hiện Luật Bình đẳng giới và Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2009 về Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, ngày 16 tháng 7 năm 2012, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2012/NĐ-CP về việc Quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước.

- Ngày 29 tháng 5 năm 2012, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 629/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 với mục tiêu chung “Xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội”.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 56/2011/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia, ngày 22 tháng 10 năm 2012, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 07/2012/TT-BKHĐT về việc quy định nội dung Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia, Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới cấp tỉnh,

huyện, xã. Bộ chỉ tiêu phát triển giới quốc gia gồm 105 chỉ tiêu, cấp tỉnh gồm 88 chỉ tiêu, cấp huyện gồm 34 chỉ tiêu, cấp xã gồm 13 chỉ tiêu. 11 lĩnh vực được Bộ chỉ tiêu thống kê quy định gồm tổng hợp; dân số; lao động, việc làm; lãnh đạo, quản lý; giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; văn hoá, thông tin, thể dục thể thao; y tế; đời sống gia đình; bảo trợ và an toàn xã hội; năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới. Bộ chỉ tiêu này là công cụ thu thập số liệu thống kê giới nhằm giám sát và đánh giá tình hình phát triển giới, sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội, đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê giới của Chính phủ Việt Nam và các tổ chức, cá nhân khác. Thông tư đã quy định Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thủ trưởng cơ quan tổ chức cấp Trung ương khác có liên quan có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn việc thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu phát triển giới quốc gia được phân công và cung cấp cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) tổng hợp và công bố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan khác các cấp ở địa phương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn việc thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu phát triển giới của quốc gia được phân công và cung cấp cho cơ quan thống kê theo quy định.

- Để triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015 (Quyết định số 1241/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ), Bộ Tài chính và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư liên tịch số 56/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 09 tháng 4 năm 2012 quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015.

Thực hiện Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới, Chính phủ, các Bộ, ngành chức năng tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ:

- Ban Cán sự đảng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến (tại Công văn số 578/VPCP-TCCV ngày 03 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ) yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quan tâm thực hiện công tác cán bộ nữ trong quy hoạch cán bộ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; đối với các Bộ, cơ quan chưa có cán bộ cấp phó là nữ, được phép bổ sung một chỉ tiêu cấp phó nữ khi có nhân sự cụ thể, đủ điều kiện để giới thiệu bổ nhiệm.

- Bộ Nội vụ phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các hoạt động triển khai Đề án "Hướng dẫn, tổ chức thực hiện quy định về quy hoạch, tạo nguồn cán bộ nữ, quy định tỷ lệ nữ bổ nhiệm các chức danh trong các cơ quan nhà nước", Đề án "Khảo sát, rà soát, kiến nghị về tuổi bổ nhiệm, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức để đảm bảo bình đẳng giữa nam và nữ,

lồng ghép kiến thức về giới và bình đẳng giới trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức”; tổ chức các lớp tập huấn lồng ghép kiến thức về giới và bình đẳng giới trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thí điểm tại ba miền về kiến thức, thông tin, số liệu về giới và bình đẳng giới.

- Ngày 16 tháng 8 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 19/CT-TTg về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 và kế hoạch đầu tư từ ngân sách nhà nước 3 năm 2013 - 2015; tiếp đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 đối với các Bộ, ngành, địa phương, trong đó có nội dung về bình đẳng giới và chỉ tiêu việc làm có phân tách giới.

- Bộ Ngoại giao đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 48/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 157/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với cán bộ, công chức công tác nhiệm kỳ tại cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, trong đó có quy định về chế độ do ngân sách nhà nước bảo đảm đối với phu nhân/ phu quân của cán bộ, công chức công tác nhiệm kỳ tại cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng, ban hành 04 văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020, Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015 trên phạm vi toàn quốc. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang khẩn trương hoàn tất hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành chính sách hỗ trợ 01 lần cho phụ nữ nghèo khi sinh con đúng chính sách dân số

- Bộ Y tế đang xây dựng chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa là đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của Luật Bình đẳng giới; dự kiến trong tháng 9 năm 2013, Bộ sẽ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành chính sách này. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế đang khẩn trương hoàn thiện đề trình Thủ tướng Chính phủ về Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2013 - 2020; dự kiến trong tháng 4 năm 2013, Bộ sẽ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

- Bộ Thông tin và Truyền thông đang xây dựng Đề án “Tuyên truyền về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình trên các phương tiện thông tin đại chúng đến năm 2020”; dự kiến trong tháng 9 năm 2013, Bộ sẽ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang xây dựng, hoàn thiện Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020 (dự kiến trong tháng 8 năm 2013, Bộ sẽ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt); Đề án kiện toàn, đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện công tác gia đình các cấp đến năm 2020, Đề án nâng cao chất lượng các mối quan hệ trong gia đình và hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững đến năm 2020 và Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020 (dự kiến trong quý II năm 2013, Bộ sẽ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt).

- Bộ Giáo dục và Đào tạo đang hoàn thiện Đề án giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020; dự kiến trong tháng 4 năm 2013, Bộ sẽ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

- Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đang khẩn trương xây dựng Đề án nghiên cứu, đánh giá tổng thể về gia đình thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập quốc tế, đề xuất các luật cứ khoa học phục vụ cho việc thực hiện mục tiêu xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ và hạnh phúc; dự kiến trong tháng 4 năm 2013, Bộ sẽ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt).

- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án “Phát triển doanh nhân nữ và nâng cao năng lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, siêu nhỏ và mới khởi nghiệp do nữ làm chủ giai đoạn 2013-2015” (Văn phòng Chính phủ đang gửi lấy ý kiến của các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam).

- Nhiều đơn vị của Bộ, ngành khác đã có một số chế độ khuyến khích nhằm động viên các chị em khi tham gia học tập, nghỉ thai sản như đi học hưởng 100% lương và phụ cấp; nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi không phải làm ca đêm; nghỉ thai sản được hưởng từ 50% trở lên lương sản phẩm của doanh nghiệp, v.v... Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã tạo điều kiện để các cán bộ nữ phát huy năng lực trong công tác chuyên môn, trong tham gia quản lý, lãnh đạo như tổ chức các đợt tập huấn về kiến thức chuyên môn, về kỹ năng thuyết trình, hỗ trợ kinh phí cho các công bố khoa học, văn bằng sở hữu trí tuệ, bảo vệ luận văn thạc sỹ, tiến sỹ... với mức hỗ trợ từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng (mức hỗ trợ cho nữ cao hơn so với nam).

2. Việc thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

Năm 2012 và đầu năm 2013, các cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện nghiêm túc việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

Bộ Tư pháp, với vai trò là cơ quan có chức năng thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, trước khi trình cơ quan có thẩm quyền ban hành đã thực hiện việc đánh giá lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trước khi trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quốc hội. Bên cạnh đó, các cơ quan có trách nhiệm trong việc đóng góp ý kiến, đánh giá, thẩm định văn bản về nội dung liên quan đến vấn đề bình đẳng giới đã thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của mình. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã tích cực tham gia quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật; có ý kiến phản biện xã hội về chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã thực hiện đúng quy định về việc phối hợp đánh giá lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Các cơ quan thẩm định văn bản quy phạm pháp luật đã thực hiện quy định về việc đánh giá lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đồng thời với việc thẩm định văn bản quy phạm pháp luật.

Trong năm 2012 và đầu năm 2013, có khoảng 100 văn bản đã được xây dựng, ban hành bảo đảm việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới. Đồng thời, trong quá trình xây dựng các Chiến lược của ngành cho giai đoạn 2011 - 2020, các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2011 - 2015, các chương trình, đề án, dự án, các cơ quan đã chủ động nghiên cứu để đưa vào các quy định, nội dung để đảm bảo và thúc đẩy bình đẳng giới.

- Luật giáo dục đại học (năm 2012) có các quy định: giảng viên có trình độ tiến sĩ, giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư công tác trong cơ sở giáo dục đại học có thể kéo dài thời gian làm việc kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu để giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nếu có đủ sức khỏe, tự nguyện kéo dài thời gian làm việc, đồng thời cơ sở giáo dục đại học có nhu cầu"; quyền của người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt nam nữ, dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân, được cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện"; xử lý vi phạm đối với các hành vi xâm phạm nhân phẩm, thân thể giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, ngược đãi, hành hạ người học.

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá (năm 2012) có các quy định: thông tin, giáo dục, truyền thông về tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe của người sử dụng, trẻ em, phụ nữ mang thai, người khác chịu ảnh hưởng của khói thuốc lá, môi trường sống và kinh tế - xã hội; nghĩa vụ của người hút thuốc lá là không hút thuốc lá trong nhà khi có trẻ em, phụ nữ mang thai, người bệnh, người cao tuổi.

- Bộ luật lao động sửa đổi (năm 2012) đã quy định: cấm phân biệt đối xử với lao động nữ; quyền làm việc của phụ nữ trong doanh nghiệp; trách nhiệm đào tạo nghề cho lao động nữ; tăng thời gian nghỉ chế độ thai sản của lao động nữ; bảo vệ quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của lao động nữ có thai; quyền của lao động nữ được lao động trong môi trường an toàn; quy định

riêng một chương đối với lao động nữ (trong đó có quy định về chính sách của Nhà nước đối với lao động nữ, nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với lao động nữ, bảo vệ thai sản đối với lao động nữ, quyền đơn phương chấm dứt, tạm hoãn hợp đồng lao động của lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản, bảo đảm việc làm cho lao động nữ nghỉ thai sản, trợ cấp khi nghỉ làm việc để chăm sóc con ốm, khám thai, thực hiện các biện pháp tránh thai, công việc không được sử dụng lao động nữ); v.v...

- Luật công đoàn (năm 2012) có quy định về trách nhiệm của công đoàn và duy trì hoạt động của hệ thống công đoàn (trong đó có nhiệm vụ tổ chức hoạt động về giới và bình đẳng giới).

- Luật phổ biến giáo dục pháp luật (năm 2012) có quy định: Trong nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật, có nội dung về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, nghĩa vụ cơ bản của công dân.

- Luật xử lý vi phạm hành chính (năm 2012) có các quy định: Tình tiết giảm nhẹ cho người vi phạm hành chính là phụ nữ mang thai; tình tiết tăng nặng đối với vi phạm hành chính với trẻ em, người già, người khuyết tật, phụ nữ mang thai; không áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với trường hợp phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với phụ nữ trên 55 tuổi, nam trên 60 tuổi, người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện, phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận; khi khám người, nam khám nam, nữ khám nữ và phải có người cùng giới chứng kiến; v.v...

- Luật xuất bản (năm 2012) có quy định nghiêm cấm việc xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm có nội dung truyền bá lối sống dâm ô, đồi trụy, phá hoại thuần phong, mỹ tục.

- Luật quảng cáo (năm 2012) có quy định cấm quảng cáo có tính chất định kiến về giới.

- Pháp lệnh năm 2012 về sửa đổi bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng năm 2007.

- Pháp lệnh năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

- Nghị định 02/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 quy định về công tác gia đình.

- Nghị định 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người, trong đó có quy định về cơ sở hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ đối với nạn nhân (hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại, hỗ trợ y tế, hỗ trợ tâm lý, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn).

- Nghị định 14/2013/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 07/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trợ giúp pháp lý.

- Nghị định 18/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2013 quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ đang phục vụ trong lực lượng công an nhân dân.

- Nghị định 19/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2006/NĐ-CP về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Nghị định 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

- Nghị định 27/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2012 quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức, có các quy định: Cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm của viên chức trong quá trình xử lý kỷ luật; viên chức bị xử lý kỷ luật khi có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bình đẳng giới; cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền chưa xem xét xử lý kỷ luật đối với viên chức nữ đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi; áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách đối với viên chức có các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới; áp dụng hình thức kỷ luật cảnh cáo đối với viên chức có các hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp, vi phạm ở mức độ nghiêm trọng quy định của pháp luật về bình đẳng giới; áp dụng hình thức kỷ luật cách chức đối với viên chức quản lý có các hành vi vi phạm ở mức độ nghiêm trọng quy định của pháp luật về bình đẳng giới.

- Nghị định 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật có các quy định về hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng đối người khuyết tật nặng đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

- Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, có các quy định: Ưu tiên đối với người dự tuyển là nữ khi xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức trong trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả thi bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có tổng số điểm các bài thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển, nếu tổng số điểm các bài thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành bằng nhau thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

- Nghị định 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, có quy định nghiêm cấm lợi dụng việc thành lập quỹ để thực hiện các hành vi xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục, truyền thống và bản sắc dân tộc.

- Nghị định 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 quy định về quản lý các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh, có quy định cấm xuất khẩu, nhập khẩu các loại văn hóa phẩm có nội dung kích động bạo lực, kích động dân tộc, đồi trụy, tội ác, vu khống nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm công dân.

- Nghị định 37/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2012 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao, có các quy định: phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các bài tập, môn thể thao hoặc các phương pháp luyện tập và thi đấu thể thao mang tính chất đồi trụy, khiêu dâm, kích động trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc; phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi gian lận giới tính trong hoạt động thể dục, thể thao; phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi đe dọa xâm phạm hoặc xâm phạm danh dự, nhân phẩm vận động viên.

- Nghị định 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật, có quy định về nội dung, hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Việc triển khai thi hành Nghị định này sẽ góp phần tăng cường công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về bình đẳng giới.

- Nghị định 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 29/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân. Tại Nghị định này có quy định giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 đối với: doanh nghiệp nhỏ và vừa (không bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh trong lĩnh vực xổ số, bất động sản, chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, sản xuất hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, doanh nghiệp được xếp hạng 1, hạng đặc biệt thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty); doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến (nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử); doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động xây dựng công trình hạ tầng kinh tế - xã hội. Nghị định cũng quy định miễn thuế khoán (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân) và thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 đối với hộ, cá nhân như: miễn thuế khoán (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân) năm 2012 đối với hộ, cá nhân kinh doanh nhà trọ, phòng trọ cho thuê đối với công nhân, người lao động, sinh viên, học sinh; hộ, cá nhân chăm sóc trông giữ trẻ; hộ, cá nhân cung ứng suất ăn ca cho

công nhân; miễn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh năm 2012 đối với hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân (không bao gồm hoạt động cung ứng suất ăn cho doanh nghiệp vận tải, hàng không, hoạt động kinh doanh khác) của doanh nghiệp.

- Nghị định 61/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2012 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ (thay thế Nghị định 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008). Tại Nghị định này, Chính phủ tiếp tục quy định Bộ Nội vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực về các ngành, lĩnh vực cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, thanh niên. Bộ Nội vụ có nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới theo quy định của pháp luật, về tuyển dụng, sử dụng, quản lý vị trí việc làm, bổ nhiệm ngạch, chuyển ngạch, nâng ngạch, thay đổi chức danh nghề nghiệp, đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, biệt phái, xin thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, đạo đức, văn hóa giao tiếp của cán bộ, công chức, viên chức và các nội dung quản lý khác đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật. Bộ Nội vụ còn có nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện quy định của Chính phủ về quy hoạch, tạo nguồn cán bộ nữ, tỷ lệ nữ để bổ nhiệm các chức danh trong các cơ quan nhà nước; thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia về công tác cán bộ nữ. Vụ Công chức - Viên chức, Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, Vụ Công tác thanh niên là các đơn vị giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, thanh niên.

- Nghị định 62/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2012 quy định căn cứ xác định nạn nhân và bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ. Nghị định này quy định nạn nhân bị mua bán là người bị coi như một loại hàng hóa để trao đổi bằng tiền hoặc lợi ích vật chất khác; bị chuyển giao hoặc tiếp nhận để ép buộc bán dâm, cưỡng bức lao động, lấy các bộ phận cơ thể một cách bất hợp pháp, ép buộc đi ăn xin, ép buộc đẻ con trái ý muốn của họ, ép buộc làm vợ hoặc chồng, ép buộc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác... Theo đó, khi có căn cứ cho rằng nạn nhân bị mua bán và người thân thích của họ bị xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Bộ đội Biên phòng; Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân... có trách nhiệm áp dụng một hoặc nhiều biện pháp bảo vệ khác nhau nhằm bảo vệ an toàn cho nạn nhân bị mua bán và người thân thích của họ.

- Nghị định 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế (thay thế Nghị định 188/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007). Tại Nghị định này, Chính phủ tiếp tục quy định Bộ Y tế thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực dân số - kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản;

Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Vụ sức khỏe bà mẹ và trẻ em là các đơn vị giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

- Nghị định 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (thay thế Nghị định 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007). Tại Nghị định này, Chính phủ tiếp tục quy định Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực bình đẳng giới và Vụ Bình đẳng giới là đơn vị giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bình đẳng giới.

- Nghị định 109/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2012 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Theo quy định tại Nghị định này, Viện nghiên cứu Gia đình và Giới là một đơn vị nghiên cứu khoa học về giới và gia đình.

- Quyết định 122/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2013 phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định 12/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2013 quy định chính sách hỗ trợ học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Quyết định 09/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2013 quy định về tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

- Quyết định 229/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2013 phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng chống tác hại của thuốc lá đến năm 2020.

- Quyết định 15/2013/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2013 về tín dụng đối với hộ cận nghèo.

- Quyết định 449/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2013 phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.

- Quyết định 226/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2012 phê duyệt Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định 14/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2012 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 139/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2002 về khám, chữa bệnh cho người nghèo.

- Quyết định 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012 phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.

- Quyết định 608/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2012 phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030.
- Quyết định 630/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2012 phê duyệt Chiến lược phát triển Dạy nghề thời kỳ 2011 – 2020.
- Quyết định 629/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2012 phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030.
- Quyết định 711/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020.
- Quyết định 1183/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2012 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 - 2015.
- Quyết định 1202/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2012 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2012 – 2015.
- Quyết định 1201/QĐ-TTg ngày ngày 31 tháng 8 năm 2012 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và dạy nghề giai đoạn 2012 – 2015.
- Quyết định 1199/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2012 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2012 - 2015.
- Quyết định 1208/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2012 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về Y tế giai đoạn 2012 – 2015.
- Quyết định 1211/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về Văn hóa giai đoạn 2012 – 2015.
- Quyết định 1217/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2012 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống tội phạm giai đoạn 2012 – 2015.
- Quyết định 42/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2012 về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.
- Quyết định 1489/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2012 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012 – 2015.
- Quyết định 52/2012/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2012 về chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp.
- Quyết định 54/2012/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2012 Ban hành chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 – 2015.

- Quyết định 59/2012/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2012 về chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013 – 2020.

- Thông tư liên tịch 03/2012/TTLT-BGDĐT-BTC- BLĐTBXH ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ về học tập đối với trẻ em, học sinh, sinh viên các dân tộc rất ít người theo Quyết định 2123/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010 – 2015.

- Thông tư 12/2012/TT-BGTVT ngày 24 tháng 4 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu của lực lượng an ninh hàng không dân dụng, trong đó có quy định cụ thể về trang phục đối với nữ.

- Thông tư liên tịch 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 28 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về hướng dẫn Nghị định 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân. Tại Thông tư có quy định miễn thuế khoản thuế giá trị gia tăng năm 2012 đối với hộ, cá nhân chăm sóc trông giữ trẻ; miễn thuế khoản thuế thu nhập cá nhân năm 2012 đối với cá nhân, hộ kinh doanh nhà trọ, phòng trọ, chăm sóc trông giữ trẻ, cung ứng suất ăn ca cho công nhân

- Thông tư liên tịch 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số chế độ đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc. Tại Thông tư có quy định về mức lương hưu hàng tháng đối với nữ.

- Thông tư 53/2012/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên. Tại Thông tư có quy định không được cố tình phát tán thư, chuyển tiếp thư có nội dung văn hoá đồi trụy, kích động bạo lực.

Các Bộ, ngành và tỉnh, thành phố đã và đang thực hiện việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để sửa đổi, bổ sung, ban hành mới theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung,

ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới trong lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương. Một số địa phương đã chỉ đạo việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào quá trình xây dựng và thực hiện các hương ước, quy ước ở thôn, ấp, bản, làng, cụm dân, góp phần tích cực xóa bỏ dần các phong tục, tập quán lạc hậu và tư tưởng trọng nam hơn nữ.

Thực hiện việc lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Luật Bình đẳng giới và Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020, Bộ Tư pháp đã xây dựng Bộ công cụ lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang áp dụng Bộ công cụ này đối với Dự án Luật Hộ tịch; trên cơ sở kết quả áp dụng này, Bộ công cụ sẽ được tiếp tục hoàn thiện - làm cơ sở để xây dựng Thông tư hướng dẫn lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Một số dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đã thực hiện khá tốt việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới ngay từ khi soạn thảo ban đầu như: Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, Dự án Luật việc làm, Dự án Luật sửa đổi Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật dạy nghề, Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm xã hội, Dự án Luật sửa đổi Luật đất đai, Dự án Luật Hộ tịch, Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 49/2010/NĐ-CP quy định về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015, Dự thảo Nghị định về phổ cập giáo dục, xoá mù chữ, Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về hợp đồng lao động, Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về thời gian làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động, Dự thảo chính sách dạy nghề cho học sinh dân tộc thiểu số nội trú, Dự thảo Nghị định quy định chính sách trợ giúp đối với đối tượng bảo trợ xã hội, Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật xuất bản, Đề án kiên cố hoá trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2013 - 2015 và lộ trình đến 2020 v.v...

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới

Trong năm 2012, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp triển khai nhiều hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với hình thức và đối tượng truyền thông đa dạng, thiết thực, hiệu quả.

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã thực hiện vai trò của mình trong việc chủ trì nghiên cứu, xây dựng và triển khai thực hiện Đề án thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và bình đẳng giới qua các ấn phẩm, chương trình phát thanh, truyền hình và các hình thức khác; chỉ đạo, hướng dẫn Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam và các cơ quan thông tin đại chúng

khác thực hiện tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới. Bộ đã có văn bản chỉ đạo Cục Quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử và Cục Báo chí nghiên cứu, phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam triển khai Đề án “Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước” trên các phương tiện thông tin, truyền thông đại chúng (giai đoạn 2010 - 2015); chỉ đạo các nhà xuất bản như: Nhà xuất bản phụ nữ, Nhà xuất bản y học xuất bản các ấn phẩm tuyên truyền bình đẳng giới, nâng cao vai trò của phụ nữ trong xã hội và gia đình, phòng chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em; không xuất bản các sách, tài liệu có nội dung phân biệt đối xử về giới, định kiến giới dưới mọi hình thức.

- Với trách nhiệm là cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới và thường trực của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, năm 2012, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành xuất bản và phát hành miễn phí gần 10 đầu sản phẩm truyền thông với trên 100.000 sản phẩm. Nhiều tài liệu được xuất bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh, đặc biệt tờ rơi tuyên truyền về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị được xuất bản song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng dân tộc Tày, tiếng Việt và tiếng dân tộc H'Mông. Tiếp tục duy trì mạng lưới cán bộ truyền thông về bình đẳng giới (hàng năm, tổ chức họp 01 lần/Quý); tổ chức các lớp tập huấn báo cáo viên về bình đẳng giới.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam tiến hành nâng cấp Website Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam gắn với việc xây dựng mới Trung tâm thông tin nguồn dữ liệu về giới nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu khai thác thông tin, tư liệu về bình đẳng giới của bạn đọc trong và ngoài nước. Website là kênh thông tin quan trọng của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới cho người dân và cộng đồng.

Năm 2012 là năm đầu tiên ngân sách trung ương bố trí kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015, nhiều hoạt động truyền thông đã được triển khai thực hiện trên phạm vi cả nước tạo nhiều hiệu ứng tích cực. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai nhiều hoạt động thực hiện “Dự án truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về bình đẳng giới” như: tổ chức phát động chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, trong đó hỗ trợ 01 trường Đại học và 02 địa phương tổ chức chiến dịch truyền thông về bình đẳng giới; hỗ trợ 04 cơ quan truyền thông thí điểm xây dựng chuyên mục, chuyên đề về bình đẳng giới. Điểm nổi bật trong công tác truyền thông về bình đẳng giới năm 2012 là Cuộc thi “Tìm hiểu chính sách, pháp luật về bình đẳng giới” với quy mô toàn quốc. Mục đích của Cuộc thi nhằm tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác bình đẳng giới cho các tầng lớp nhân dân, cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các cơ quan,

tổ chức trên toàn quốc; nâng cao hơn nữa trách nhiệm của cá nhân, cơ quan tổ chức trong việc tham gia thực hiện pháp luật về bình đẳng giới; đồng thời tạo diễn đàn chia sẻ hiểu biết pháp luật về bình đẳng giới, tìm kiếm giải pháp thực thi pháp luật về bình đẳng giới và phổ biến, truyền thông về công tác bình đẳng giới hiệu quả góp phần nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của cá nhân, xã hội về lĩnh vực này. Ngay sau lễ phát động Cuộc thi, Lãnh đạo Bộ, Lãnh đạo Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ Việt Nam đã có các văn bản gửi Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ các Bộ, ngành, địa phương và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo hướng ứng Cuộc thi. Với công tác chỉ đạo, điều hành như trên, Cuộc thi đã diễn ra rất thành công. Mặc dù chỉ có gần 3 tháng phát động và triển khai nhưng Cuộc thi đã thu hút được đông đảo người dân ở mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp nhân dân tham gia dự thi với số lượng lớn là gần 700 nghìn bài. Nhiều tác phẩm dự thi được chuẩn bị công phu, sáng tạo, với nội dung sâu sắc, phong phú. Qua số lượng bài cho thấy chất lượng truyền thông về bình đẳng giới có nhiều tiến bộ, người dân đã hiểu biết hơn về bình đẳng giới. Ban tổ chức đã trao giải cho 26 tập thể, cá nhân có bài thi đạt chất lượng và đầu tư công phu. Cuộc thi đã tạo được hiệu ứng tốt trong công tác truyền thông về bình đẳng giới.

Bên cạnh các hoạt động nêu trên, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cũng đã triển khai các hoạt động hội thảo, tập huấn về bình đẳng giới cho đội ngũ báo cáo viên, phóng viên, biên tập viên các cơ quan truyền thông; xây dựng và phát triển các chương trình, xuất bản các sản phẩm truyền thông về bình đẳng giới; tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới phù hợp với đặc thù từng nhóm đối tượng, địa bàn dân cư. Một số ấn phẩm tuyên truyền đã phát hành gồm: báo cáo thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới bằng tiếng Việt và tiếng Anh; tờ rơi, sổ tay về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động - việc làm, chính trị tuyên truyền về công ước CEDAW và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh về tiến bộ phụ nữ bằng tiếng Việt và một số tiếng dân tộc thiểu số. Các hoạt động truyền thông nêu trên được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện với sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước trên từng lĩnh vực và các tổ chức có liên quan như: Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao, Ủy ban Dân tộc, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam ...

- Bộ Tư pháp đã phối hợp với các cấp, các ngành, đoàn thể tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung các văn bản về Luật bình đẳng giới, Luật phòng chống bạo lực gia đình; Luật phòng chống buôn bán người và các văn bản pháp luật khác có liên quan; tổ chức các cuộc tập huấn, tọa đàm, biên soạn tài liệu, đề cương tuyên truyền giới thiệu các văn bản pháp luật về bình đẳng giới, biên soạn hàng trăm câu hỏi về pháp luật về phòng chống buôn bán người, mua bán phụ nữ, trẻ em, bạo lực gia đình cung cấp trên Trang thông tin điện tử của Bộ, một số chuyên mục trên báo, đài trung ương và địa phương.

Bộ Tư pháp cũng đã đẩy mạnh việc hoàn thiện thể chế về phổ biến giáo dục pháp luật để góp phần nâng cao hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và phổ biến pháp luật về bình đẳng giới nói riêng, đặc biệt là việc trình Quốc hội thông qua Luật phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng và thực hiện các Đề án tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh, thiếu niên giai đoạn 2011-2015; Đề án tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nước về quyền con người. Tiếp tục thực hiện Chương trình phối hợp số 14/2002/CTPH-TP-HPN ngày 02/10/2002 giữa Bộ Tư pháp và Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam về phổ biến pháp luật, trợ giúp pháp lý cho phụ nữ. Công tác trợ giúp pháp lý tiếp tục phát triển mạnh ở các địa phương trong toàn quốc. Các Trung tâm trợ giúp pháp lý đã lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào các hoạt động truyền thông về trợ giúp pháp lý, tổ chức các đợt trợ giúp lưu động, sinh hoạt câu lạc bộ, các buổi sinh hoạt chuyên đề về pháp luật. Năm 2012, có 63 Trung tâm trợ giúp pháp lý trong toàn quốc đã thực hiện trợ giúp pháp lý cho 58.949 phụ nữ/tổng số 117.334 người (chiếm 50,2%).

- Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và nhiều cơ quan thông tin đại chúng đã có nhiều chương trình, chuyên mục đưa tin, tuyên truyền về bình đẳng giới góp phần nâng cao nhận thức về công tác bình đẳng giới. Các bản tin thời sự trong ngày, các phóng sự ngắn được các Đài phát sóng thường xuyên trên truyền hình. Các chuyên đề về bình đẳng giới, về phụ nữ ngày một nhiều hơn, thời lượng phát sóng tăng hơn. Nhiều chương trình thu hút được sự quan tâm của công chúng như Sức sống mới, Làm đẹp, Người xây tổ ấm, Nuôi con khôn lớn, Mình là phụ nữ, Bí quyết khỏe đẹp, Quà tặng cuộc sống, O2 TV,

- Ủy ban Dân tộc tiếp tục thực hiện Quyết định số 554/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số từ năm 2009 đến năm 2012”. Năm 2012, Ủy ban Dân tộc đã tổ chức 10 hội nghị phổ biến pháp luật tại 10 tỉnh cho hơn 1.200 lượt đại biểu là cán bộ làm công tác dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số của 100 xã thuộc 20 huyện vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Các Hội nghị đã giới thiệu cho các đại biểu tham dự những nội dung cơ bản, thiết thực liên quan đến đời sống của đồng bào như: Luật đất đai, Luật khiếu nại tố cáo, Luật bảo vệ và phát triển rừng, Luật phòng chống ma túy, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật hôn nhân và gia đình, Luật bình đẳng giới, Luật phòng chống bạo lực gia đình, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật giao thông đường bộ, Pháp lệnh Dân số v.v... góp phần nâng cao nhận thức về pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số và đưa những văn bản pháp luật đi vào thực tiễn cuộc sống. Tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật bằng hình thức sân khấu hóa cho 30 đội đại diện cho 30 xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số tại các tỉnh Sơn La, Nghệ An và Đắk Lắk.

- Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt nam tiếp tục triển khai Đề án “Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Sau 3 năm triển khai thực hiện cho thấy, Đề án được các cấp Hội thực hiện với nhiều sáng kiến, cách làm hay, hiệu quả; các hoạt động của Đề án đã hỗ trợ tích cực cho cán bộ, hội viên, phụ nữ cả nước trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và thực hiện cuộc vận động phần đầu, rèn luyện phẩm chất đạo đức phụ nữ Việt Nam “Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang”. Cuộc thi viết “Những tấm gương Phụ nữ Việt Nam: Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang” thu hút được sự tham gia của các nhà báo, cộng tác viên, cán bộ, hội viên cả nước với nhiều bài viết có chất lượng (đã có 29.000 bài gửi về Trung ương Hội). Công tác tuyên truyền phát hiện, biểu dương điển hình học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh được quan tâm; hình thức tuyên truyền đa dạng, nội dung thiết thực.

- Nhiều địa phương đã tổ chức tuyên truyền với nội dung và hình thức phong phú, đa dạng như: phát hành tờ rơi, pano, áp phích, băng rôn, biểu ngữ xây dựng bản tin, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tọa đàm về bình đẳng giới trên sóng phát thanh, truyền hình địa phương, tổ chức thi tìm hiểu về Luật bình đẳng giới với hình thức sân khấu hoa, tổ chức thi, giao lưu giữa các Câu lạc bộ cộng đồng (Bắc Kạn, An Giang, Bà Rịa Vũng Tàu, Nghệ An, Bắc Ninh...).

4. Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hoạt động về bình đẳng giới

a) Về kiện toàn tổ chức bộ máy

- Trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bình đẳng giới, năm 2012, đã có thêm tỉnh Hậu Giang thành lập Phòng bình đẳng giới và tỉnh Lào Cai có Phòng ghép về bình đẳng giới, nâng số lượng địa phương đã thành lập được Phòng bình đẳng giới lên 11 địa phương.

- Trong hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ, 100% các tỉnh, thành phố đã thành lập Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tới cấp huyện. Tiếp tục duy trì tổ chức, hoạt động của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tại các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương.

b) Hướng dẫn hoạt động

Để giúp các Bộ, ngành, địa phương thuận lợi trong triển khai công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn trong triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, trong đó có 04 văn bản về hướng dẫn triển khai Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020, Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015 và các hoạt động tuyên truyền, tập huấn như đã nêu ở phần trên; ban hành văn bản hướng dẫn hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ gửi các Bộ ngành, địa phương ngay từ đầu năm v.v....

c) Tổ chức đào tạo, tập huấn

- Năm 2012, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã triển khai xây dựng nhiều tài liệu tập huấn chuyên môn nghiệp vụ như: Phát triển, cập nhật tài liệu tập huấn về kiến thức, kỹ năng lồng ghép giới bền vững (Bộ Trẻ em, Bình đẳng và Hòa nhập xã hội của Na Uy tài trợ); xây dựng bộ tài liệu tập huấn cho cán bộ cấp xã về bình đẳng giới; xây dựng cẩm nang hướng dẫn thành lập mô hình Nhóm tư vấn cộng đồng cho các cán bộ ở địa phương có nhiều phụ nữ kết hôn với người nước ngoài; xây dựng tài liệu hướng dẫn mô hình Trung tâm hỗ trợ việc làm cho phụ nữ Việt Nam. Trên cơ sở tài liệu đã xây dựng, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã tổ chức 02 lớp đào tạo tập huấn cho đội ngũ giảng viên nguồn về quy trình lồng ghép giới bền vững (giai đoạn 1 vào tháng 3 năm 2012 và giai đoạn 2 vào tháng 9 năm 2012); tổ chức các lớp tập huấn về các mô hình thí điểm cho cán bộ và cộng tác viên cấp xã v.v...

Với sự hỗ trợ của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) tại Việt Nam, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã tổ chức Hội thảo tập huấn thử nghiệm tài liệu phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc. Thông qua Hội thảo tập huấn, các đại biểu đã được trang bị những kiến thức cơ bản về vấn đề quấy rối tình dục và một số kỹ năng phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

Trong khuôn khổ của Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã tổ chức 02 khóa đào tạo về kỹ năng lồng ghép giới trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại Hàn Quốc và Cộng hòa Séc. Tham dự 02 khóa tập huấn nêu trên có 22 cán bộ, công chức thuộc các Bộ, ngành, địa phương. Thông qua khóa tập huấn, các đại biểu đã được trang bị sâu hơn những kiến thức về giới, bình đẳng giới, lập ngân sách giới, chính sách về bình đẳng giới, đồng thời được học hỏi kinh nghiệm về bình đẳng giới, kinh nghiệm quản lý nhà nước về bình đẳng giới tại Cộng hòa Séc và Hàn Quốc

- Các Bộ, ngành, địa phương rất tích cực tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ như Hà Tĩnh, Kon Tum, Quảng Nam, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bộ Xây dựng, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Tổng công ty hàng không Việt Nam v.v...

5. Về công tác cung cấp dịch vụ hỗ trợ bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới

Năm 2012, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban Dân tộc cùng các cơ quan chức năng và các tổ chức phi Chính phủ đã đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai các mô hình cung cấp dịch vụ, hỗ trợ bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới như

Trung tâm nâng cao năng lực dạy nghề cho phụ nữ tại Cần Thơ, mô hình thí điểm xây dựng nhà giữ trẻ tại cơ quan, Trung tâm dạy nghề; mô hình hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới, bao gồm cả dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp lý, tạo việc làm v.v...; các hoạt động hỗ trợ người dân nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số xóa bỏ những thói quen, tập tục lạc hậu để thực hiện bình đẳng giới, góp phần xây dựng nông thôn mới. Mô hình Trung tâm công tác xã hội về bình đẳng giới (như kinh nghiệm của nhiều nước trong khu vực và thế giới) để cung cấp các dịch vụ toàn diện như: tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực để thực hiện bình đẳng giới theo yêu cầu của Luật Bình đẳng giới cho các cơ quan, tổ chức có nhu cầu; cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ phụ nữ, nam giới, trẻ em gái, trẻ em trai có nhu cầu tư vấn, hỗ trợ trong trường hợp bị phân biệt đối xử về giới (bao gồm bạo lực trên cơ sở giới) v.v...

6. Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình đẳng giới, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã tổ chức các đoàn thanh tra toàn diện và thanh tra chuyên đề, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới tại các địa phương, doanh nghiệp như tại: Hà Nam, Kiên Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cần Thơ, Đắc Lắc, Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum... Qua thanh tra, kiểm tra, nắm tình hình đã kiến nghị đề các địa phương, doanh nghiệp thực hiện đúng chính sách, pháp luật về bình đẳng giới.

Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ Việt Nam đã xây dựng kế hoạch kiểm tra hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ năm 2012 tại 21 đơn vị, gồm 04 Bộ và 17 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (công văn số 03/KHKT-UBQG ngày 15 tháng 02 năm 2012). So với các năm trước, số lượng các đơn vị có kế hoạch được kiểm tra đã tăng 200%. Điều này cho thấy, công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ ngày càng được quan tâm. Nội dung kiểm tra theo yêu cầu của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ Việt Nam, gồm: Tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban vì sự tiến bộ phụ nữ, trong đó có việc xây dựng và thực hiện các chính sách liên ngành liên quan đến sự tiến bộ phụ nữ, công tác cán bộ nữ tại Bộ, ngành địa phương; tình hình triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 tại Bộ, ngành địa phương; kết quả thực hiện Luật Bình đẳng giới và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Kết quả kiểm tra cho thấy, các đơn vị, địa phương đều đã xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch hành động về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2015; công tác tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ đã được tập trung triển khai khá bài bản; Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ (Ban VSTBPN) đã được thành lập ở cấp xã; nhiều địa phương đã bố trí kinh phí cho công tác này với mức trung bình là từ 10 - 20 triệu/huyện và 3 triệu/xã. Tuy nhiên, còn một số khó khăn, tồn tại

trong thực hiện bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các đơn vị được kiểm tra là: việc đôn đốc, kiểm tra các đơn vị cấp dưới trong triển khai công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ chưa được thực hiện thường xuyên; cơ chế phối hợp liên ngành chưa được quan tâm đầy đủ, cơ quan thường trực của Ban VSTBPN gặp khó khăn trong việc tổng hợp thông tin, số liệu về thực hiện bình đẳng giới trên các lĩnh vực; hoạt động của Ban VSTBPN ở một số địa phương còn hình thức, chưa thực sự phát huy hiệu quả vai trò tham mưu trong xây dựng và thúc đẩy thực hiện chính sách về bình đẳng giới, nhất là công tác cán bộ nữ. Nguyên nhân chính của các tồn tại nêu trên là do thiếu sự quan tâm đúng mức của lãnh đạo chính quyền; Ban chưa được quan tâm bố trí đầy đủ nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ một cách đồng bộ, hiệu quả. Những khó khăn, tồn tại nêu trên không phải là mới; tuy nhiên, các cấp, các ngành chưa khắc phục có hiệu quả tình trạng này.

7. Công tác thống kê, công bố thông tin, số liệu về bình đẳng giới

Công tác thống kê, thông tin, báo cáo quốc gia về bình đẳng giới đã và đang được hoàn thiện, từng bước đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Trong năm 2012, nhiều báo cáo về bình đẳng giới và công tác phụ nữ đã được thực hiện.

Việc ban hành Thông tư số 07/2012/TT-BKHĐT ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định nội dung Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia (105 chỉ tiêu), Bộ chỉ tiêu phát triển giới cấp tỉnh (88 chỉ tiêu), huyện (34 chỉ tiêu), xã (13 chỉ tiêu) có ý nghĩa hết sức quan trọng. Hệ thống số liệu được thu thập được sẽ giúp các cơ quan, tổ chức, địa phương có được những đánh giá đúng về tình hình giới, trên cơ sở đó có những tác động và điều chỉnh thích hợp.

Sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước (Nghị quyết 11), Ban Dân vận Trung ương đã phối hợp với các Bộ, ngành đánh giá và xây dựng báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 11. Báo cáo cho thấy công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã đạt được kết quả bước đầu quan trọng, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân về vai trò, vị thế của người phụ nữ, công tác phụ nữ và bình đẳng giới ngày càng được nâng lên rõ rệt, tạo sự chuyển biến tích cực của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về giới, về phụ nữ và công tác phụ nữ. Người phụ nữ ngày càng có cơ hội, điều kiện và môi trường thuận lợi để phấn đấu và hoàn thiện bản thân; xã hội đã có sự tôn trọng hơn về vai trò, vị thế của người phụ nữ trong gia đình cũng như ngoài xã hội; góp phần ngăn chặn, phê phán các hành vi bạo lực gia đình, xâm hại nhân phẩm phụ nữ, từng bước xoá bỏ tư tưởng trọng nam hơn nữ trong xã hội.

Trên cơ sở hỗ trợ từ các nguồn lực quốc tế, nhiều nghiên cứu, báo cáo đã được công bố như: báo cáo nghiên cứu tình hình quấy rối tình dục tại nơi làm việc ở Việt Nam, báo cáo nghiên cứu việc làm cho lao động giúp việc gia đình tại Việt Nam; nghiên cứu khảo sát về “bình đẳng giới và sức khỏe sinh sản tại các khu tái định cư”.

Với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có công văn đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương xây dựng Báo cáo tình hình thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới. Năm 2012, các Bộ, ngành, địa phương thực hiện việc báo cáo về Bộ đầy đủ và đúng thời hạn hơn so với năm trước: năm 2009 có 18 Bộ, ngành và 36 tỉnh, thành; năm 2010 có 17 Bộ, ngành và 46 tỉnh, thành; năm 2011 có 23 Bộ, ngành và 49 tỉnh, thành; năm 2012 có 24 Bộ, ngành và 53 tỉnh, thành. Đồng thời, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng văn bản hướng dẫn các bộ, ngành địa phương tổ chức sơ kết, đánh giá 5 năm thực hiện Luật bình đẳng giới. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã có 21/30 Bộ, ngành và 53/63 địa phương gửi báo cáo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Báo cáo của các Bộ, ngành địa phương đã cung cấp những thông tin, số liệu về công tác bình đẳng giới của các đơn vị. Tuy nhiên, theo các báo cáo cho thấy công tác thống kê, thông tin số liệu có tách biệt giới còn gặp rất nhiều khó khăn.

8. Công tác bố trí kinh phí, bảo đảm cho công tác bình đẳng giới

Kinh phí triển khai thực hiện bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các Bộ, ngành, địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Năm 2012, kinh phí cho 5 dự án thành phần của Chương trình quốc gia bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015 đã được ngân sách ngân sách trung ương bố trí 40 tỷ đồng, để thực hiện các nhiệm vụ ở cấp trung ương là 10 tỷ đồng và hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương là 30 tỷ đồng. Ngoài nguồn ngân sách nhà nước, kinh phí hoạt động bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ còn được huy động từ các nguồn khác trong và ngoài nước.

9. Hoạt động hợp tác quốc tế về bình đẳng giới

Trong năm 2012, hoạt động hợp tác quốc tế về bình đẳng giới đã được các cơ quan của Chính phủ triển khai hiệu quả, cụ thể như:

Chính phủ tham gia có hiệu quả và đóng góp tích cực trên các diễn đàn song phương và đa phương ở khu vực và toàn cầu. Những hoạt động của Việt Nam đã tham gia được bạn bè quốc tế đánh giá cao là: Hội nghị cấp Bộ trưởng Phong trào Không Liên kết lần thứ ba về sự tiến bộ của Phụ nữ được tổ chức tại Doha, Qatar với chủ đề “Thúc đẩy sự tiến bộ của phụ nữ trong một thế giới đầy thách thức”; hội nghị ASEAN tại Campuchia; hội thảo về tăng cường năng lực tổ chức bộ máy về bình đẳng giới và trao quyền năng

cho phụ nữ tại khu vực Đông Nam Á tổ chức tại Thái Lan; Khóa họp lần thứ 56 của Ủy ban Địa vị phụ nữ tại New York với chủ đề chính là “Trao quyền cho phụ nữ nông thôn và vai trò của họ trong xóa đói giảm nghèo, phát triển và những thách thức hiện tại”; diễn đàn về sự lãnh đạo của phụ nữ APEC với chủ đề “Đổi mới nền kinh tế của chúng ta, chuyển từ giới kém triển vọng sang giới hiệu quả thực sự” tổ chức tại Nhật Bản v.v... Bên cạnh đó, Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành duy trì công tác trao đổi thông tin cũng như tham gia chuẩn bị các nội dung và báo cáo quốc tế về bình đẳng giới và tiến bộ phụ nữ theo cam kết quốc tế mà Việt Nam đã cam kết triển khai thực hiện; tiếp đón và cung cấp, trao đổi thông tin về giới, bình đẳng giới với chuyên gia quốc tế làm việc tại Việt Nam v.v...

Tiếp tục duy trì quan hệ hợp tác với các cơ quan, tổ chức quốc tế như: Cơ quan Liên Hợp quốc về bình đẳng giới và trao quyền năng cho phụ nữ (UNWomen), Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA), Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), Cao ủy Liên Hiệp Quốc về người tị nạn (UNHCR), Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), Tổ chức Hòa Bình và Phát Triển Tây Ban Nha (PyD), Bộ Bình đẳng giới và Gia đình Hàn Quốc, Bộ Trẻ em, Bình đẳng và Hoà nhập xã hội Na Uy... Mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức phi chính phủ như Oxfam v.v...

Năm 2012, nhiều Chương trình, dự án ODA đa phương và song phương lớn có nội dung lồng ghép nội dung bình đẳng giới còn triển khai như các dự án thuộc Chương trình hợp tác về bình đẳng giới giữa Liên hợp quốc và Chính phủ Việt Nam; các dự án tài trợ song phương của Chính phủ các nước trong phòng chống bạo lực gia đình, giảm tử vong mẹ và tử vong trẻ sơ sinh.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

Kế thừa những kết quả đã đạt được, từng bước khắc phục những khó khăn hạn chế, năm 2012 là năm thứ hai các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020. Kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới như sau:

1. Mục tiêu “Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị”.

Đối với mục tiêu này, hầu hết các chỉ tiêu hàng năm ít có sự biến động, do các chỉ tiêu có chu kỳ thống kê dài (5 năm, tương ứng với một nhiệm kỳ bầu cử), các vị trí lãnh đạo chủ chốt ít có sự bổ sung, điều chỉnh.

Năm 2012, đối với chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2015 đạt 80% Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ: Tính đến hết tháng 02/2013, có 14/30 Bộ, cơ quan ngang Bộ,

cơ quan thuộc Chính phủ có nữ cán bộ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chủ chốt, chiếm tỷ lệ 46,6% (tăng 6,6% so với năm 2011); có 23/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nữ đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đạt tỷ lệ 36,5% (giảm 1,59% so với năm 2011).

Tỷ lệ nữ tham gia Quốc hội khóa XIII nhiệm kỳ 2011 - 2016 có sự thay đổi, hiện là 24,2% (giảm 0,02%, do có 01 nữ đại biểu bị bãi nhiệm)

2. Mục tiêu “Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động”.

Trong thời gian qua, Chính phủ đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp góp phần thực hiện mục tiêu này, cụ thể:

- Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 quy định, hằng năm trong tổng số người được tạo việc làm mới bảo đảm ít nhất 40% cho mỗi giới (nam và nữ).

Theo kết quả điều tra lao động việc làm năm 2012, lực lượng lao động cả nước là 52,6 triệu người, trong đó lao động nữ chiếm 48,7%. Lực lượng trong độ tuổi lao động năm 2012 là 46,9 triệu người, tăng 0,4 triệu người trong đó lao động nữ chiếm 46,7% (hơn 710 nghìn lao động). Giải quyết việc làm mới cho 1.540 ngàn người (trong đó nữ là 74.998 người, chiếm trên 48%), trong đó giải quyết việc làm trong nước cho 1.440 ngàn người; số việc làm tăng thêm 1.316,3 ngàn người, số việc làm thay thế 123,5 ngàn người. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi ước tính là 2,17%, trong đó tỷ lệ thất nghiệp của lao động nữ là 2,8%. Tỷ lệ trong độ tuổi lao động không có việc làm ước tính là 2,89%, tỷ lệ thất nghiệp của lao động nữ tại thành thị là 2,36%.

Nguồn ngân sách Nhà nước từ Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm được phân bổ cho 63 tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội như Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Người mù, Hội Cựu chiến binh, ... Ngoài ra, 45 tỉnh, thành phố trực trung ương đã thành lập Quỹ việc làm địa phương. 90% các dự án vay vốn tập trung cho vay ở khu vực phi kết cấu, góp phần tạo việc làm cho 200 nghìn lao động mỗi năm (chiếm khoảng 20% tổng số việc làm tạo ra hàng năm). Bên cạnh việc ưu tiên cho các dự án vay vốn giải quyết việc làm cho nhiều lao động nữ, Quỹ quốc gia về việc làm còn dành riêng một kênh quản lý nguồn vốn cho Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam để giải quyết cho các hội viên, trong năm 2012 đã tạo việc làm cho hơn 2.000 lao động nữ. Nhiều mô hình được triển khai nhằm tạo việc làm,

nâng cao tay nghề cho chị em phụ nữ như các mô hình câu lạc bộ chị em phụ nữ; mô hình tổ vay vốn; mô hình chị em yêu khoa học; mô hình phụ nữ liên kết với các doanh nghiệp v.v.... Ngoài ra, các nguồn vốn vay phân bổ theo kênh địa phương vào các tổ chức, hội đoàn thể khác cũng giải quyết việc làm cho số lượng lớn phụ nữ (số lượng phụ nữ được vay vốn hàng năm chiếm khoảng 50% tổng số người được vay vốn đối với nguồn quỹ này).

Về công tác xuất khẩu lao động, năm 2012, xuất khẩu lao động 80 ngàn người (trong đó 26,8 ngàn lao động nữ, chiếm 33,5%), đạt 88,9% kế hoạch. Tuy không đạt kế hoạch nhưng đây là kết quả tích cực trong điều kiện kinh tế thế giới khôi phục chậm, tỷ lệ thất nghiệp ở các nước tiếp nhận lao động tăng cao, qua đó góp phần tạo thu nhập ổn định, cải thiện đời sống cho lao động nữ. Các doanh nghiệp xuất khẩu lao động tuy gặp nhiều khó khăn nhưng đã chủ động cơ cấu lại hoạt động; cơ cấu lại thị trường, tập trung vào các thị trường có thể mạnh; thực hiện tốt hơn công tác đào tạo người lao động đi làm việc ở nước ngoài, đặc biệt trong bồi dưỡng kiến thức về ngoại ngữ, phong tục tập quán, pháp luật liên quan của các nước tiếp nhận lao động; liên kết với các cơ sở dạy nghề để đào tạo lao động đáp ứng nhu cầu của thị trường... Các tỉnh/thành phố đã phối hợp chặt chẽ hơn với các doanh nghiệp và cơ sở xuất khẩu lao động để triển khai các hoạt động tuyên truyền, thông tin đến người lao động, gia đình, chính quyền xã, phường về chính sách, quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của cá nhân, cơ quan trong xuất khẩu lao động; hỗ trợ người lao động vay vốn, chi phí học nghề, ngoại ngữ ... đưa nhiều lao động đi làm việc ở nước ngoài. Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành chức năng tổ chức truyền thông, tập huấn tăng cường kiến thức cho cán bộ làm công tác xuất khẩu lao động tại các cơ quan quản lý nhà nước, địa phương, các doanh nghiệp xuất khẩu lao động nhằm trang bị thêm kiến thức, năng lực về bình đẳng giới chống phân biệt đối xử, nâng cao quyền năng của phụ nữ đi làm việc ở nước ngoài.

- Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 quy định tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 30% vào năm 2015.

Ngày 09/12/2011, Bộ Chính trị đã có Nghị quyết số 09-NQ/TW về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Trong sự phát triển chung của doanh nhân Việt Nam, số lượng các doanh nghiệp do doanh nhân nữ là chủ hoặc tham gia lãnh đạo ngày càng tăng. Lao động nữ trong các khu vực kinh tế chiếm khoảng 48% (khu vực nhà nước 45,6%, tập thể 43,7%, tư nhân 40,8%, hộ sản xuất kinh doanh cá thể 48,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 62,6%). Đội ngũ trí thức tiếp tục tăng cả về số lượng, chất lượng và

được trẻ hóa. Doanh nghiệp và hộ gia đình sản xuất kinh doanh do phụ nữ làm chủ ngày càng tăng (chiếm 25% doanh nghiệp và trên 3 triệu hộ sản xuất kinh doanh. Hình ảnh người phụ nữ đảm đang, nhân hậu, tương thân, tương ái, năng động, sáng tạo, tự trọng, tự tin khẳng định mình trong các lĩnh vực của đời sống xã hội ngày càng nhiều.

- Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 quy định tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt 25% vào năm 2015.

Trong năm 2012, tuyển mới dạy nghề là 1.493 ngàn người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề năm 2012 đạt 33,5%, trong đó tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt 18,7%. Hệ thống dạy nghề tiếp tục phát triển theo hướng xã hội hoá, mạng lưới cơ sở dạy nghề được phát triển rộng khắp ở 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trên 600 quận, huyện, thị xã, các khu công nghiệp, khu chế xuất, làng nghề. Tính đến 30 tháng 12 năm 2012, cả nước có 155 trường cao đẳng nghề, 307 trường trung cấp nghề, 868 trung tâm dạy nghề và trên 700 cơ sở dạy nghề tại các doanh nghiệp và tại các cơ sở giáo dục khác có tham gia dạy nghề. Sự phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề đã tạo thêm nhiều cơ hội cho người học nói chung và phụ nữ nông thôn nói riêng.

Theo báo cáo của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, qua gần 3 năm triển khai thực hiện đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”, đã dạy nghề cho gần 890 nghìn lao động nông thôn, tỷ lệ có việc làm sau học nghề đạt 73%, trong đó có 70% là lao động nữ. Nhiều phụ nữ nông thôn sau khi học nghề đã áp dụng được kiến thức, kỹ năng mới vào sản xuất, góp phần tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, tăng thu nhập, xoá đói, giảm nghèo.

Ngoài ra, Đề án hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2010 - 2015 theo Quyết định số 295/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ đã góp phần tạo nhiều cơ hội cho phụ nữ được tham gia học nghề, làm nghề, nâng cao chất lượng, hiệu quả sức cạnh tranh của lao động nữ, tìm kiếm việc làm có thu nhập ổn định, góp phần xoá đói giảm nghèo và nâng cao vị thế cho phụ nữ. Quy mô tuyển sinh học nghề, trong đó có đối tượng nữ ngày càng tăng. Trong thời kỳ 2006 - 2011, các nhóm phụ nữ thuộc đối tượng “ưu tiên” của Đề án (phụ nữ thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi, người có công với cách mạng, hộ nghèo, người tàn tật, người trong diện thu hồi đất canh tác, bị mất việc làm trong các doanh nghiệp) được các cơ sở dạy nghề tuyển sinh hàng năm với số lượng ngày càng tăng, từ 14.429 lượt người năm 2007 lên tới 22.292 lượt người năm 2011 (theo thống kê của Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam).

- Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 quy định tỷ lệ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức đạt 80% vào năm 2015.

Chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo được nhà nước đặc biệt quan tâm. Trong đó, đối với những hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ cũng được triển khai nhiều chính sách thiết thực qua nhiều kênh (từ Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, các chương trình vay vốn do nước ngoài tài trợ, quỹ giúp phụ nữ nghèo xoá đói giảm nghèo do ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí...). Trong năm 2012, tỷ lệ hộ nghèo đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn liên tục tăng lên. Số hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ có nhu cầu và điều kiện đã được vay vốn từ chương trình xoá đói giảm nghèo và các nguồn vốn khác đạt 100%.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đã thực hiện uỷ thác từng phần qua 4 tổ chức chính trị - xã hội cho vay vốn với lãi suất ưu đãi đến các hộ nghèo và đối tượng chính sách trong cả nước gồm: Hội Nông dân Việt Nam, Hội Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh và Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Đến nay đã thành lập được gần 200.000 tổ tiết kiệm và vay vốn với gần 7 triệu hội viên tham gia, đã chủ động đưa nguồn vốn tiếp cận đến từng địa bàn, tạo điều kiện cho các đối tượng nữ nhanh chóng đáp ứng được nhu cầu vay vốn.

Nguồn vốn tín dụng chính sách đã đầu tư kịp thời, đúng đối tượng thụ hưởng chính sách, đặc biệt đã quan tâm đầu tư nguồn vốn có lãi suất ưu đãi đối với những địa phương còn nhiều khó khăn, vùng nghèo, xã nghèo, những nơi có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng sâu, vùng xa... và đã mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội to lớn, giải quyết được nhiều lao động có việc làm, nhiều hộ nghèo và đối tượng chính sách khác được vay vốn; được Đảng và Chính phủ ghi nhận, cấp uỷ chính quyền địa phương đánh giá cao, nhân dân đồng tình ủng hộ, củng cố niềm tin của nhân dân vào đường lối đổi mới của Đảng.

Nhờ đồng vốn ưu đãi của Chính phủ, phụ nữ nông thôn nghèo và vùng dân tộc thiểu số trên toàn quốc có thêm cơ hội tổ chức sản xuất, kinh doanh, đầu tư mua cây con giống, vươn lên tìm hướng thoát nghèo, đã góp phần quan trọng giúp cho trên 200.000 hộ dân thoát nghèo trong năm 2012

Thông qua hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn do các tổ chức Hội đoàn thể nhận uỷ thác khác, đã kết hợp việc vay vốn Ngân hàng chính sách với công tác tập huấn khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, tập huấn các mô hình phát triển kinh tế, chuyển giao công nghệ khoa học kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt dạy nghề, giới thiệu việc làm, cung ứng lao động tại chỗ đã giúp phụ nữ có việc làm ổn định. Thông qua hoạt động vay vốn, sử dụng vốn vay xoá đói giảm nghèo, phụ nữ nghèo ngày càng được bình đẳng với nam giới tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ không chỉ về mặt kinh tế, nhận thức mà cả về vị thế chính trị, vai trò của người phụ nữ trong gia đình và xã hội.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, lồng ghép các chương trình, chính sách giảm nghèo hiện hành có điều chỉnh, bao gồm: Chính sách hỗ trợ lao động nghèo, người thất nghiệp và thiếu việc làm ở nông thôn có việc làm, thu nhập ổn định và tham gia thị trường lao động, hỗ trợ dân cư nông thôn dễ dàng tiếp cận đến các dịch vụ xã hội cơ bản; chính sách bảo hiểm y tế thực hiện theo Luật bảo hiểm y tế; chính sách đối với 62 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP, xây dựng các Dự án gắn với đặc thù của các vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao, tập trung vào các chính sách hỗ trợ giảm nghèo gắn với tạo việc làm; xây dựng mô hình giảm nghèo nhằm hướng tới giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động. Phân đấu tăng tỷ lệ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức đạt 80% vào năm 2015.

3. Mục tiêu “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo”.

- Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 quy định tỷ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi từ 15 đến 40 ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn đạt 90% vào năm 2015.

Trong thời gian qua, thực hiện các chính sách, pháp luật về giáo dục và bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục, công tác xóa mù chữ đã đạt được những kết quả nhất định. Năm 2012, tỷ lệ biết chữ tính chung cho cả nam và nữ ở độ tuổi 15 - 35 là 99,05%, độ tuổi từ 15 trở lên là 98,05% và tính riêng phụ nữ biết chữ ở độ tuổi từ 15 - 35 là 98,9%, độ tuổi từ 15 trở lên là 97,8%.

- Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 quy định tỷ lệ nữ thạc sỹ đạt 40% vào năm 2015; tỷ lệ nữ tiến sỹ đạt 20% vào năm 2015.

Đội ngũ nữ trí thức tiếp tục tăng cả về số lượng, chất lượng và được trẻ hóa, chiếm gần 30,53% số người có trình độ thạc sỹ và 17,1% số người có trình độ tiến sỹ; tỷ lệ nữ giáo sư là 5,1% và tỷ lệ nữ phó giáo sư là 11,7%. Năm học 2011 - 2012, trong ngành giáo dục, trong số 59.643 giảng viên đại học, có 28.027 nữ (chiếm 47%); trong số 24.437 giảng viên cao đẳng có 13.222 nữ (chiếm 53,7%); trong số 2.678 giáo sư, phó giáo sư có 448% nữ (chiếm 47,1%); trong số 9.126 tiến sỹ có 2.285 nữ (chiếm 25%); trong số 36.347 thạc sỹ có 17.122 nữ (chiếm 47,1%).

Nhận thức về bình đẳng giới trong giáo dục và đào tạo đã có chuyển biến tích cực. Gia đình và xã hội đã quan tâm nhiều hơn và tạo điều kiện cho trẻ em trai và trẻ em gái đến trường. Tỷ lệ nhập học tăng lên ở các cấp học, hệ thống các trường tiểu học đã được mở tới từng thôn xóm, trường trung học cơ sở được mở tới từng xã hoặc cụm xã. Các điểm trường lẻ, lớp cắm bản, lớp ghép được mở ở hầu hết các thôn, bản, buôn, sóc vùng cao, vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn, tạo cơ hội cho trẻ em trai và gái các dân tộc thiểu số được đi học. Kết quả huy động học sinh, sinh viên nữ/tổng số học sinh, sinh viên năm học 2011-2012 ở một số bậc học như sau:

- + Mầm non: 1.805.223/3.873.445 (chiếm tỷ lệ 46,6%).
- + Giáo dục phổ thông: 7.301.981/14.782.561 (chiếm tỷ lệ 49,4%).
- + Trung cấp chuyên nghiệp: 362.558/623.050 (chiếm tỷ lệ 58,2%).
- + Giáo dục cao đẳng: 393.771/756.292 (chiếm tỷ lệ 52,1%).
- + Giáo dục đại học: 698.662/1.448.021 (chiếm tỷ lệ 48,25%).

Quá trình tổ chức tuyển sinh đều đảm bảo không phân biệt độ tuổi giữa nam và nữ; đảm bảo sự bình đẳng trong lựa chọn nghề; quá trình tổ chức đào tạo đã đảm bảo bình đẳng trong hưởng thụ các chính sách.

4. Mục tiêu “Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe”.

Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 quy định tỷ số giới tính khi sinh không vượt quá 113 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái vào năm 2015; giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản xuống 58,3/100.000 trẻ đẻ sống vào năm 2015; tăng tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con lên 40% vào năm 2015; giảm tỷ lệ phá thai xuống 27/100 trẻ đẻ sống vào năm 2015.

Năm 2012, tỷ số giới tính khi sinh là 112,3 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái (năm 2011 là 111,9 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái). Tỷ số giới tính khi sinh có sự khác nhau giữa các vùng, khu vực nông thôn và thành thị. Để đạt chỉ tiêu mà Chiến lược đề ra “tỷ số giới tính khi sinh không vượt quá 113 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái vào năm 2015”, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo ngành Y tế cùng Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo để khắc phục tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, chú trọng truyền thông trực tiếp để xóa bỏ tư tưởng trọng nam hơn nữ, đồng thời, kiểm soát chặt chẽ hơn đối với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản nhằm hạn chế việc lựa chọn giới tính khi sinh.

Năm 2012, theo ước tính tỷ số tử vong mẹ liên quan đến thai sản là 64/100.000 trẻ đẻ sống. Tỷ số này có sự khác nhau giữa các vùng miền. Tỷ số tử vong mẹ còn khá cao ở các khu vực miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ tử vong mẹ của 14 tỉnh, thành phố (được nghiên cứu) là 119/100.000 trẻ đẻ sống (cao nhất ở Tây Bắc là 242/100.000 trẻ đẻ sống, Tây Nguyên là 108/100.000, thấp nhất là Đông Bắc 86/100.000).

Năm 2012, tỷ lệ phụ nữ mang thai dương tính với HIV được điều trị bằng thuốc kháng retrovirus để giảm nguy cơ lây nhiễm từ mẹ sang con là 47,4%. Tỷ lệ trẻ sinh ra từ mẹ dương tính với HIV được xét nghiệm vi rút HIV trong vòng 2 tháng sau sinh là 24,1%. Tỷ lệ phụ nữ mang thai nhiễm HIV được khám và đánh giá điều trị ARV thông qua đánh giá giai đoạn lâm sàng hoặc xét nghiệm CD4 là 47,4%. Hiện nay, Chính phủ đang chỉ đạo xây dựng và triển khai các đề án truyền thông nâng cao nhận thức về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục và phòng chống HIV/AIDS cho vị thành niên, phụ nữ, nam giới trong phạm vi cả nước. Tăng độ bao phủ xét nghiệm HIV cho phụ nữ có thai, cung cấp dịch vụ toàn diện về dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con, tăng số cặp mẹ con được theo dõi sau khi sinh bao gồm mẹ được điều trị ARV và con được chẩn đoán sớm nhiễm HIV và điều trị ARV cho con.

Những kết quả trên cho thấy để đạt mục tiêu Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 đề ra đến năm 2015, ngành Y tế và các ngành liên quan cần triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, trong đó có việc triển khai thực hiện Chiến lược bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân và Chiến lược Dân số, Sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020 v.v...

5. Mục tiêu “Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa và thông tin”.

Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 quy định đến năm 2015 giảm 60% sản phẩm văn hoá, thông tin mang định kiến giới; tăng thời lượng phát sóng các chương trình, chuyên mục và số lượng các sản phẩm tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới; có 90% đài phát thanh và đài truyền hình ở trung ương và địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

Hiện có gần 30% cán bộ nữ làm công tác báo chí chuyên nghiệp trong hơn 700 cơ quan báo chí, thông tấn và hàng trăm đài phát thanh truyền hình từ trung ương tới địa phương. Tỷ lệ lao động nữ trong các công ty chuyên về lĩnh vực truyền thông ngày càng gia tăng với năng lực, trình độ chuyên môn ngày càng cao.

Trên các phương tiện thông tin đại chúng, hình ảnh người phụ nữ tự tin vươn lên, khẳng định mình trong công việc xuất hiện ngày càng nhiều, bên cạnh là hình ảnh người nam giới chia sẻ công việc gia đình. Tỷ lệ phụ nữ tham gia các hoạt động văn hóa và tiếp cận thông tin ngày càng cao hơn. Các hoạt động

văn hóa, nghệ thuật đã có những đổi mới, cải tiến về nội dung, chất lượng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu thưởng thức của mỗi giới. Cùng với hệ thống các kênh của đài phát thanh, truyền hình trung ương, hầu hết các địa phương đều có nội dung tuyên truyền về bình đẳng giới trên kênh phát sóng của mình.

Năm 2012, các cơ quan thông tấn báo chí đã quan tâm thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới thông qua việc tổ chức các lớp tập huấn kiến thức giới cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên. Mạng lưới cán bộ truyền thông về bình đẳng giới được duy trì, tiếp tục là kênh thông tin quan trọng giữa cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới với các cơ quan thông tấn báo chí. Nhờ có các hoạt động này, các sản phẩm văn hoá, thông tin mang định kiến giới đã giảm so với trước đây.

6. Mục tiêu “Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới”.

- Xây dựng gia đình là vấn đề hệ trọng của quốc gia, nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế có những tác động sâu sắc, nhiều chiều tới gia đình Việt Nam. Năm 2012, Chính phủ đã ban hành Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 với mục tiêu xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng tiến bộ, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội; ban hành nhiều chính sách liên quan đến gia đình, đặc biệt là chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ trực tiếp đến hộ gia đình.

Tuy nhiên, hiện nay vấn đề bạo lực gia đình vẫn còn tồn tại, cản trở sự phát triển của xã hội. Năm 2012, số nạn nhân bị bạo lực gia đình được phát hiện là 33.914 người, trong đó nam 5.070 người (chiếm 14,9%), nữ 28.846 người (chiếm 85,1%), độ tuổi chịu bạo lực gia đình nhiều nhất là từ 16 - 59 tuổi (chiếm 81,32%). Qua thống kê cho thấy, số nạn nhân bị bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ và chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân là 27.592 người (chiếm 81,35% số nạn nhân được phát hiện).

Năm 2012, cả nước đã hình thành và đi vào hoạt động 42.211 cơ sở tư vấn, trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình và địa chỉ tin cậy ở cộng đồng.

Thông qua các hoạt động tuyên truyền về giáo dục đời sống gia đình, Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành chức năng từng bước đẩy mạnh tuyên truyền với nội dung thực hiện bình đẳng giới trong gia đình, trong đó có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình giữa các thành viên.

- Các Bộ, ngành, các cơ quan Trung ương, các tổ chức đoàn thể và địa phương đã nỗ lực triển khai đồng bộ các giải pháp phòng chống mại dâm, đặc biệt chú trọng tới việc hỗ trợ, giúp đỡ đối tượng được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, chăm sóc sức khỏe, học nghề, vay vốn làm ăn; đồng thời xử lý nghiêm những đường dây, tổ chức buôn bán phụ nữ, trẻ em vì mục đích bóc lột tình dục.

Thanh tra, kiểm tra, đấu tranh, triệt phá ổ nhóm, điều tra truy tố, xét xử tội phạm mại dâm được thực hiện tích cực, xử lý kịp thời, nghiêm minh những hành vi vi phạm, đặc biệt đối với hành vi mại dâm người chưa thành niên. Theo thống kê, 40 tỉnh, thành phố đã truy quét, triệt phá trên 600 vụ, bắt giữ trên 2.500 đối tượng, toà án nhân dân các cấp đã thụ lý, xét xử trên 500 vụ với trên 700 bị cáo, trong đó có bị cáo phạt tù từ 7-20 năm.

Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam tiếp tục phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai một số chương trình dự án về hỗ trợ, tái hoà nhập cộng đồng cho người bán dâm, nạn nhân bị mua bán trở về. Đây cũng là công tác được các cấp Hội phụ nữ quan tâm phối hợp trong nhiều năm. Năm 2012, theo báo cáo của các địa phương, đã có gần 600 phụ nữ bán dâm được vận động hoàn lương; hơn 400 phụ nữ bán dâm hoàn lương được vay vốn và khoảng 1.000 phụ nữ bán dâm được giúp đỡ, tạo việc làm; đã tiếp nhận và hỗ trợ cho 5/11 nạn nhân bị mua bán trở về. Căn cứ vào nhu cầu và nguyện vọng của nạn nhân, năm 2012 đã hỗ trợ với tổng số tiền trên 800 triệu đồng.

7. Mục tiêu “Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới”.

Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 quy định đến năm 2015 có 80% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; có 100% thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới; các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới; hình thành đội ngũ công tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ; có 100% cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ ít nhất một lần.

Theo báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, trên toàn quốc đã có 126 cán bộ làm công tác bình đẳng giới, trong đó, có 72 cán bộ chuyên trách. Phòng Bình đẳng giới tại 11 Sở Lao động – Thương binh và Xã hội vẫn tiếp tục phát huy vai trò tiên phong trong việc triển khai các nhiệm vụ về bình đẳng giới tại địa phương (năm 2012, Phòng Bình đẳng giới được thành lập tại Hậu Giang và Lào Cai).

Kết quả báo cáo cho thấy, 100% cán bộ, công chức viên chức làm công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ được tập huấn nghiệp vụ.

Trong thời gian qua, nhiều Bộ, ngành, địa phương đã thành lập ban soạn thảo, tổ biên tập xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, các Bộ, ngành, địa phương chưa báo cáo về việc tổ chức tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới cho thành viên các ban soạn thảo, tổ biên tập.

Bộ Tư pháp đang xây dựng Bộ công cụ lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Trên cơ sở kết quả thí điểm áp dụng, trong thời gian tới Bộ công cụ lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sẽ được hoàn thiện, làm cơ sở thực hiện thống nhất trong quy trình xây dựng pháp luật và làm cơ sở để xây dựng Thông tư hướng dẫn lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

- Hiện nay vẫn còn 10 Bộ, ngành, 8 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chưa xây dựng được kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược, chương trình quốc gia về bình đẳng giới. Nhiều địa phương chưa thực sự quan tâm đến lĩnh vực công tác này nên chưa bố trí đủ cán bộ và nguồn lực thực hiện. Một số Bộ, ngành, địa phương chưa nghiêm túc trong thực hiện chế độ báo cáo về tình hình thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới gây khó khăn cho quá trình tổng hợp, đánh giá.

- Luật Bình đẳng giới được Quốc hội thông qua năm 2006 nhưng việc triển khai Luật trên thực tế còn gặp nhiều khó khăn. Còn có quy định về bình đẳng giới chưa được thực hiện nghiêm túc trên thực tế nên khoảng cách giới vẫn còn tồn tại trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình. Một số cơ quan chưa kịp thời trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới theo quy định tại Nghị định số 48/2009/NĐ-CP do các quy định này khó, phức tạp.

- Định kiến giới còn tồn tại trong nhân dân, gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới tại địa phương, cơ sở.

- Việc triển khai quy định lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật còn gặp khó khăn, lúng túng. Nguyên nhân là do cán bộ làm công tác tham mưu hoạch định chính sách của các Bộ, ngành, địa phương còn hạn chế về kiến thức giới, kỹ năng lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, đánh giá việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới dẫn đến trên thực tế khi triển khai quy định tại Điều 21 của Luật Bình đẳng giới còn lúng túng; nguồn thông tin và cơ sở dữ liệu có tách biệt giới tính đang trong quá trình hình thành, hoàn thiện, do đó chưa đáp ứng yêu cầu của việc phân tích giới và lồng ghép giới theo quy định của Luật Bình đẳng giới; thiếu nguồn lực tài chính, thiếu đội ngũ chuyên gia giỏi kỹ năng về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên các lĩnh vực chuyên môn để hỗ trợ các đơn vị thực hiện đầy đủ các quy trình về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Kinh phí cho công tác bình đẳng giới còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Những vấn đề giới mang tính phức tạp hoặc mới phát sinh cần thời gian nghiên cứu sâu như: tâm lý thích con trai hơn con gái dẫn tới nguy cơ mất cân bằng giới tính khi sinh và những hệ lụy về mặt xã hội; các hình thức bạo lực trên cơ sở giới nhất là bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái; những tác động của biến đổi khí hậu đối với phụ nữ và nam giới; hôn nhân có yếu tố nước ngoài.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2013

1. Tăng cường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới

- Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến Luật Bình đẳng giới và các văn bản hướng dẫn thi hành một cách thiết thực, phù hợp với từng ngành, từng địa phương, nhóm đối tượng, đặc biệt là đối với những cán bộ quản lý; nâng cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện bình đẳng giới và tiến bộ của phụ nữ; hình thành, phát triển đội ngũ cộng tác viên, tuyên truyền viên về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ, đặc biệt là ở cơ sở.

- Tăng cường công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng thông qua việc xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ; về các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác phụ nữ

- Tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp trong việc phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Nâng cao năng lực thực hiện công tác bình đẳng giới

- Về bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới:

Tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp theo quy định hiện hành và phù hợp với thực tế của từng địa phương, đơn vị, đảm bảo bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở các cấp.

- Về chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới:

+ Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ từ trung ương đến địa phương, cơ sở.

+ Tổ chức tập huấn kiến thức về giới và kỹ năng lồng ghép giới cho cán bộ, công chức nói chung và cán bộ nữ nói riêng trong một số lĩnh vực như gia đình, giáo dục và đào tạo, lao động, y tế, văn hóa, kinh tế.

- Về công tác phối hợp giữa các Bộ, ngành:

+ Tăng cường công tác phối hợp giữa các Bộ, ngành trong việc triển khai thực hiện Luật bình đẳng giới đặc biệt là các Bộ, ngành chức năng có liên quan tới việc thực thi bình đẳng giới ở 8 lĩnh vực trọng yếu mà Luật đã quy định, đó là: chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế và gia đình.

+ Nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội mà nhất là Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức phi Chính phủ trong việc tuyên truyền, vận động và giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, nghiên cứu, đánh giá thực trạng bình đẳng giới làm cơ sở cho việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung luật pháp, chính sách.

3. Nghiên cứu, xây dựng và phát triển các dịch vụ hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới

Phát triển các hệ thống dịch vụ có chất lượng nhằm hỗ trợ nữ và nam bình đẳng về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thí điểm xây dựng các mô hình dịch vụ nhằm hỗ trợ cả nam và nữ trong phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới và phòng chống bạo lực gia đình.

Tăng cường xã hội hoá và phối hợp liên ngành trong việc tổ chức các hoạt động về bình đẳng giới.

4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bình đẳng giới

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thanh tra về kiến thức, kỹ năng thanh tra về bình đẳng giới; kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật bình đẳng giới, trong đó có Nghị định 55/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới.

5. **Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế**

Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế nhằm học tập, chia sẻ kinh nghiệm về thực hiện pháp luật về bình đẳng giới và vận động nguồn lực hỗ trợ thực hiện các chính sách, pháp luật về bình đẳng giới./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- UB về các vấn đề xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam;
- Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản HCM;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ TKBT, TH, PL, V.HH, TCCV, KTTH;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**



Phạm Thị Hải Chuyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 903/SY-UBND

Nơi nhận:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- PVPVX, K16;
- Lưu: VT (03b).

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 05 tháng 6 năm 2013

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Mai Việt Trung



Phụ lục I

**DANH SÁCH VĂN BẢN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI,
CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số 146/BC-CP ngày 14 tháng 4 năm 2013
của Chính phủ về tình hình thực hiện mục tiêu quốc gia
về bình đẳng giới năm 2012)*

1. Hướng dẫn thực hiện Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015 trong năm 2012 đối với các Bộ, ngành, địa phương (công văn số 1750/LĐTBOXH-BĐG ngày 30 tháng 5 năm 2012 đối với các Bộ, ngành; Công văn số 1275/LĐTBOXH-BĐG ngày 25 tháng 4 năm 2012 đối với các địa phương).
2. Kế hoạch Thông tin, tuyên truyền pháp luật về bình đẳng giới năm 2012 (Quyết định số 395/LĐTBOXH-BĐG ngày 30 tháng 3 năm 2012).
3. Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng về bình đẳng giới năm 2012 (Quyết định số 394/LĐTBOXH-BĐG ngày 30 tháng 3 năm 2012).
4. Hướng dẫn thực hiện mô hình phòng chống bạo lực trên cơ sở giới (Công văn số 1672/LĐTBOXH-BĐG ngày 25 tháng 5 năm 2012) và Hướng dẫn thực hiện mô hình hỗ trợ phụ nữ tạo việc làm, khởi sự và phát triển doanh nghiệp (Công văn số 2441/LĐTBOXH-BĐG ngày 19 tháng 7 năm 2012).

Phụ lục II
DANH SÁCH
CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ
ĐÃ XÂY DỰNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU QUỐC GIA
VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI NĂM 2012

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 146/BC-CP ngày 14 tháng 4 năm 2013
của Chính phủ về tình hình thực hiện mục tiêu quốc gia
về bình đẳng giới năm 2012)

STT	Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Đã xây dựng Báo cáo	Ghi chú
1.	Bộ Công an	x	
2.	Bộ Công thương	x	
3.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	x	
4.	Bộ Giao thông Vận tải	x	
5.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
6.	Bộ Khoa học và Công nghệ	x	
7.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	x	
8.	Bộ Ngoại giao	x	
9.	Bộ Nội vụ	x	
10.	Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	x	
11.	Bộ Quốc phòng	x	
12.	Bộ Tài chính	x	
13.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	x	
14.	Bộ Tư pháp	x	
15.	Bộ Thông tin và Truyền thông	x	
16.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	x	
17.	Bộ Xây dựng	x	
18.	Bộ Y tế	x	
19.	Văn phòng Chính phủ	x	
20.	Thanh tra Chính phủ		
21.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		
22.	Ủy ban Dân tộc	x	
23.	Đài Tiếng nói Việt Nam	x	
24.	Đài Truyền hình Việt Nam	x	
25.	Bảo hiểm xã hội Việt Nam		
26.	Thông tấn xã Việt Nam	x	
27.	Học Viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh		
28.	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam		
29.	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	x	
30.	Ban Quản lý Lăng chủ tịch Hồ Chí Minh		

Phụ lục III
DANH SÁCH CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ
TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ĐÃ XÂY DỰNG BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU QUỐC GIA
VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI NĂM 2012

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số 146/BC-CP ngày 14 tháng 4 năm 2013
của Chính phủ về tình hình thực hiện mục tiêu quốc gia
về bình đẳng giới năm 2012)*

STT	Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Đã xây dựng Báo cáo	Ghi chú
1.	Tp Hà Nội	x	
2.	Tp Hồ Chí Minh	x	
3.	Tp Hải Phòng	x	
4.	Tp Đà Nẵng	x	
5.	Tp Cần Thơ	x	
6.	Cao Bằng	x	
7.	Lạng Sơn		
8.	Lai Châu		
9.	Điện Biên		
10.	Hà Giang		
11.	Sơn La		
12.	Tuyên Quang		
13.	Yên Bái	x	
14.	Lào Cai	x	
15.	Bắc Kạn	x	
16.	Thái Nguyên	x	
17.	Phú Thọ		
18.	Vĩnh Phúc	x	
19.	Bắc Giang	x	
20.	Bắc Ninh	x	
21.	Hòa Bình	x	
22.	Quảng Ninh		
23.	Hải Dương	x	
24.	Hưng Yên		
25.	Thái Bình		
26.	Hà Nam	x	
27.	Nam Định	x	
28.	Ninh Bình	x	
29.	Thanh Hóa	x	
30.	Nghệ An	x	

STT	Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Đã xây dựng Báo cáo	Ghi chú
31.	Hà Tĩnh	x	
32.	Quảng Bình	x	
33.	Quảng Trị	x	
34.	Thừa Thiên Huế		
35.	Quảng Nam	x	
36.	Quảng Ngãi	x	
37.	Bình Định	x	
38.	Phú Yên		
39.	Khánh Hòa		
40.	Ninh Thuận		
41.	Bình Thuận	x	
42.	Gia Lai		
43.	Kon Tum	x	
44.	Đắk Lắk		
45.	Đắk Nông	x	
46.	Lâm Đồng	x	
47.	Đồng Nai	x	
48.	Bà Rịa - Vũng Tàu	x	
49.	Long An	x	
50.	Tây Ninh	x	
51.	Bình Dương		
52.	Bình Phước	x	
53.	Tiền Giang	x	
54.	Bến Tre		
55.	Hậu Giang	x	
56.	Sóc Trăng	x	
57.	Đồng Tháp	x	
58.	Vĩnh Long	x	
59.	Trà Vinh	x	
60.	An Giang	x	
61.	Kiên Giang		
62.	Bạc Liêu	x	
63.	Cà Mau	x	